

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH
BỘ MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP



BÁO CÁO HỌC THUẬT CẤP BỘ MÔN

Đưa ra phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, đề thi phù hợp hơn với môn học Nghiệp vụ Hải quan

Người thực hiện: ThS. Phạm Thu Uyên

Hà Nội, tháng 12 năm 2025

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong kỷ nguyên của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 và xu thế dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam không chỉ gia tăng đột phá về quy mô mà còn đối mặt với những thách thức về tính phức tạp của các loại hình hình thương mại mới. Ngành Hải quan hiện nay không đơn thuần đóng vai trò kiểm soát cửa khẩu, mà đã trở thành "lá chắn thép" bảo đảm an ninh quốc gia, đồng thời là "đòn bẩy" thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại quốc tế. Sự chuyển mình sang mô hình Hải quan số và Hải quan thông minh đặt ra yêu cầu khắc nghiệt đối với chất lượng nguồn nhân lực: không chỉ am hiểu pháp luật mà phải có năng lực phân tích dữ liệu, nhạy bén trong quản lý rủi ro và thành thạo kỹ năng tác nghiệp thực tế.

Tuy nhiên, thực tiễn giảng dạy môn học Nghiệp vụ Hải quan hiện nay vẫn còn nặng về lý thuyết, phương pháp truyền thụ kiến thức chưa gắn chặt với tình huống thực tiễn, hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu kỹ năng của công chức hải quan trong tương lai. Hình thức kiểm tra, đánh giá chủ yếu dựa vào ghi nhớ kiến thức, chưa phản ánh đầy đủ năng lực vận dụng, phân tích và xử lý tình huống nghiệp vụ của người học.

Vì vậy, việc nghiên cứu và đề xuất các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và xây dựng đề thi phù hợp hơn với đặc thù môn học Nghiệp vụ Hải quan được giảng dạy tại Trường Đại học Mở - Địa chất là hết sức cần thiết. Đây không chỉ là yêu cầu mang tính cấp bách của đổi mới giáo dục đại học mà còn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Hải quan Việt Nam trong giai đoạn mới.

2. Mục đích của đề tài

Đề tài được thực hiện nhằm phân tích đặc điểm nội dung và yêu cầu năng lực của môn học Nghiệp vụ Hải quan, từ đó đề xuất các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và xây dựng đề thi theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo và khả năng vận dụng kiến thức thực tiễn của người học. Cụ thể, đề tài hướng tới việc:

Gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết chuyên môn và thực tiễn hoạt động hải quan;
Nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức và hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên;

Đổi mới hình thức đánh giá theo hướng đánh giá năng lực, phù hợp với yêu cầu của từng chương, từng nội dung học phần.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là quá trình giảng dạy, kiểm tra đánh giá và xây dựng đề thi môn học Nghiệp vụ Hải được giảng dạy tại Trường Đại học Mở - Địa chất. Bên cạnh đó, đề tài còn xem xét nội dung chương trình, đề cương môn học và yêu cầu chuẩn đầu ra đối với người học.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong phạm vi báo cáo học thuật, tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cơ bản như: phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp so sánh, phân tích và đánh giá.

5. Nội dung nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu của đề tài được triển khai bám sát theo đề cương môn học Nghiệp vụ Hải quan, bao gồm:

Chương 1: Tổng quan về ngành Hải quan Việt Nam – đề xuất phương pháp giảng dạy giúp sinh viên nắm vững sự hình thành, phát triển, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Hải quan Việt Nam.

Chương 2: Thủ tục hải quan – xây dựng cách tiếp cận giảng dạy và đánh giá dựa trên quy trình thủ tục, hồ sơ và tình huống thực tiễn.

Chương 3: Giám sát, kiểm tra hải quan – đề xuất hình thức học tập và kiểm tra đánh giá thông qua phân tích các nguyên tắc, đối tượng và hình thức giám sát, kiểm tra.

Chương 4: Thuế hải quan và xác định trị giá hải quan – chú trọng phương pháp giảng dạy gắn với bài tập tính thuế, xác định trị giá và xử lý hồ sơ hải quan.

Chương 5: Nghiệp vụ chống buôn lậu và gian lận thương mại – đề xuất phương pháp học tập dựa trên tình huống, vụ việc thực tế và phân tích biện pháp phòng, chống.

Được chia làm 2 phần:

PHẦN 1: ĐỀ XUẤT PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

PHẦN 2: XÂY DỰNG ĐỀ THI MÔN NGHIỆP VỤ HẢI QUAN

PHẦN 1:

ĐỀ XUẤT PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1.1. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ HẢI QUAN

Căn cứ vào đặc thù của môn học Nghiệp vụ Hải quan – một môn học mang tính ứng dụng cao, gắn liền với pháp luật, quy trình nghiệp vụ và thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước về hải quan – việc đổi mới phương pháp giảng dạy cần hướng tới phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học.

Thứ nhất, phương pháp giảng dạy lý thuyết kết hợp ví dụ và bài tập minh họa được sử dụng xuyên suốt các chương học. Giảng viên trình bày những nội dung cốt lõi như khái niệm, nguyên tắc, chức năng, quy trình nghiệp vụ; đồng thời lồng ghép các ví dụ thực tiễn và bài tập ngắn nhằm giúp sinh viên hiểu sâu và ghi nhớ lâu kiến thức.

Thứ hai, phương pháp dạy học theo tình huống (case study) được áp dụng đối với các nội dung liên quan đến thủ tục hải quan, giám sát – kiểm tra, xác định trị giá, tính thuế và chống buôn lậu. Thông qua việc phân tích các tình huống giả định hoặc vụ việc thực tế, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nhận diện vấn đề, vận dụng quy định pháp luật và đề xuất phương án xử lý phù hợp.

Thứ ba, phương pháp thảo luận nhóm theo chủ đề được triển khai nhằm phát huy tính chủ động và khả năng tư duy phản biện của người học. Sinh viên được giao các chủ đề gắn với từng chương học để nghiên cứu, trình bày và thảo luận dưới sự định hướng của giảng viên.

Thứ tư, phương pháp học tập gắn với hồ sơ và biểu mẫu hải quan giúp sinh viên tiếp cận thực tế công việc của công chức hải quan, đặc biệt trong các nội dung liên quan đến hồ sơ hải quan, tính thuế và xác định trị giá hải quan.

1.2. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA – ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ HẢI QUAN

Hoạt động kiểm tra – đánh giá môn Nghiệp vụ Hải quan cần được thực hiện theo hướng đánh giá năng lực, kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ.

1.2.1. Đánh giá quá trình

Đánh giá quá trình chiếm khoảng 40% tổng điểm học phần, bao gồm các hình thức: điểm chuyên cần, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình theo chủ đề và các bài kiểm tra ngắn. Hình thức này nhằm đánh giá mức độ tham gia học tập, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng phân tích và vận dụng kiến thức của sinh viên.

1.2.2. Đánh giá cuối kỳ

Đánh giá cuối kỳ chiếm khoảng 60% tổng điểm học phần, được thực hiện thông qua bài thi viết hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận. Nội dung đánh giá tập trung vào khả năng hiểu bản chất vấn đề, phân tích quy trình nghiệp vụ và xử lý tình huống thực tiễn.

1.2.3. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

Bảng 1. Đánh giá học phần

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	10%
2	Điểm tự học	- Làm phiếu chuẩn bị	10%
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Thi viết	20%
5	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết (60 phút). - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết - Dự thi kết thúc học phần.	60%

1.2.4. Cách tính điểm

Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

1.2.5. Các đánh giá trên nhằm kiểm tra việc đạt các chuẩn đầu ra học phần sau:

CĐR học phần	Bài tập 1	Bài tập 2	Kiểm tra giữa kỳ	Tham gia học tập	Thi cuối kỳ
<i>1</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>
<i>2</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>
<i>3</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>
<i>4</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>
<i>5</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>

PHẦN 2: XÂY DỰNG ĐỀ THI MÔN NGHIỆP VỤ HẢI QUAN

2.1. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

Dựa vào nội dung chương học Giảng viên sẽ đánh giá dựa theo phương pháp sau:

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp ví dụ và bài tập minh họa
- Trình bày thảo luận theo chủ đề được giao

Cụ thể:

Chương 1: Tổng quan về ngành Hải quan Việt Nam – đề xuất phương pháp giảng dạy giúp sinh viên nắm vững sự hình thành, phát triển, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Hải quan Việt Nam.

Sinh viên được chia các đề tài thảo luận theo nhóm và nộp lại bài thu hoạch, chuẩn bị slide thuyết trình về các chủ đề. Từ đó, giảng viên đánh giá mức độ tự học, kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Điểm được đánh giá trên sự đóng góp của sinh viên trong nhóm hoàn thiện đề tài thảo luận. Bao gồm các đề tài sau:

- 1/ Buôn lậu, trốn thuế và gian lận xuất xứ hàng hóa trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa
- 2/ Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu
- 3/ Thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu
- 4/ Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo loại hình gia công quốc tế
- 5/ Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo loại hình nhập khẩu NVL để sản xuất hàng hóa xuất khẩu
- 6/ Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo loại hình XNK tại chỗ
- 7/ Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo loại hình Tạm nhập-tái xuất, Tạm xuất-tái nhập, và chuyển khẩu
- 8/ Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện dự án đầu tư
- 9/ Thủ tục hải quan đối với hàng hóa di chuyển ra vào các khu vực đặc biệt (Kho bảo thuế, kho ngoại quan, các địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS), cảng trung chuyển, khu chế xuất, khu phi thuế quan)

Chương 2: Thủ tục hải quan – xây dựng cách tiếp cận giảng dạy và đánh giá dựa trên quy trình thủ tục, hồ sơ và tình huống thực tiễn.

Chương 3: Giám sát, kiểm tra hải quan – đề xuất hình thức học tập và kiểm tra đánh giá thông qua phân tích các nguyên tắc, đối tượng và hình thức giám sát, kiểm tra.

Chương 4: Thuế hải quan và xác định trị giá hải quan – chú trọng phương pháp giảng dạy gắn với bài tập tính thuế, xác định trị giá và xử lý hồ sơ hải quan.

Chương 5: Nghiệp vụ chống buôn lậu và gian lận thương mại – đề xuất phương pháp học tập dựa trên tình huống, vụ việc thực tế và phân tích biện pháp phòng, chống.

Sinh viên được chia các đề tài thảo luận theo nhóm, chuẩn bị slide thuyết trình về các chủ đề. Từ đó, giảng viên đánh giá mức độ tự học, kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Điểm được đánh giá trên sự đóng góp của sinh viên trong nhóm hoàn thiện đề tài thảo luận. Bao gồm các đề tài sau:

Nhóm 1: Nguyên nhân Buôn lậu và Gian lận thương mại

Nhóm 2: Hậu quả Buôn lậu và Gian lận thương mại

Nhóm 3: Thực trạng Buôn lậu và Gian lận thương mại tại Việt Nam

2.2. XÂY DỰNG ĐỀ THI MÔN NGHIỆP VỤ HẢI QUAN

2.2.1. Cấu trúc đề thi

- **Thời gian làm bài:** 60 phút

- **Hình thức:** Trắc nghiệm + Bài tập/Tự luận

Phần I – Trắc nghiệm (4,0 điểm): Mỗi câu đúng: 0,4 điểm (10 câu)

Phần II – Tự luận & bài tập (6,0 điểm)

- **Thang điểm:** 10 điểm

Phần	Nội dung	Số câu	Điểm	Tỷ lệ
I	Trắc nghiệm khách quan	15	4,0	40%
II	Tự luận & bài tập nghiệp vụ	3	6,0	60%
Tổng			10,0	100%

2.2.2. Ma trận đề thi gắn với chuẩn đầu ra (CLOs)

CLO	Mô tả chuẩn đầu ra	Chương	Mức độ	Hình thức	Tỷ lệ
-----	--------------------	--------	--------	-----------	-------

					(%)
CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản về hải quan	1	Nhận biết	Trắc nghiệm	15
CLO2	Phân tích quy trình, thủ tục hải quan	2,3	Thông hiểu	Trắc nghiệm + TL	25
CLO3	Vận dụng quy định pháp luật hải quan	2,3,5	Vận dụng	Tự luận	20
CLO4	Tính được thuế và xác định trị giá HQ	4	Vận dụng	Bài tập	30
CLO5	Nhận diện, đề xuất biện pháp chống GLTM	5	Thông hiểu	Trắc nghiệm/TL	10
Tổng					100

2.2.3. Đề thi cụ thể

Gồm 6 mã đề được lấy trong các nội dung sau:

a. Trắc nghiệm: (4,0 điểm): Mỗi câu đúng: 0,4 điểm (10 câu/20 câu trong bộ đề)

Câu 1: ... là khoản tiền người bán trả cho một bên thứ ba hoạt động với tư cách là đại lý bán hàng

- A. Chi phí môi giới
- B. Hoa hồng bán hàng
- C. Hoa hồng mua bán hàng
- D. Hoa hồng mua hàng

Câu 2: Kiểm tra HQ:

- A. Là biện pháp nghiệp vụ do cơ quan hải quan áp dụng để đảm bảo nguyên trạng cho hàng hóa và phương tiện vận tải đang thuộc địa bàn hoạt động của CQHQ
- B. Là việc cơ quan HQ kiểm tra hồ sơ HQ, các chứng từ, tài liệu liên quan đến hàng hóa, phương tiện vận tải trong quá trình làm thủ tục hải quan
- C. Là biện pháp nghiệp vụ do CQHQ áp dụng để đảm bảo an toàn cho hàng hóa và phương tiện vận tải thuộc địa bàn hoạt động của CQHQ

D. Là việc cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ hải quan, các chứng từ, tài liệu liên quan và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải

Câu 3: ... là những quy định pháp luật để xác định một sản phẩm hàng hóa có nguồn gốc từ một nước, vùng lãnh thổ hay một khối nước nào đó

- A. Tiêu chuẩn xuất xứ
- B. Nguyên tắc xuất xứ
- C. Quy định xuất xứ
- D. Quy tắc xuất xứ

Câu 4: Hàng hóa nào sau đây thuộc đối tượng không chịu thuế?

- A. Hàng đưa từ khu bảo thuế vào thị trường nội địa
- B. Hàng vận chuyển quá cảnh qua cửa khẩu của Việt Nam sang một nước khác
- C. Hàng xuất khẩu của Canada xuất khẩu sang thị trường các nước Asean
- D. Hàng đưa từ khu công nghiệp vào khu chế xuất tại thành phố Hải Phòng

Câu 5: Hàng hóa vận chuyển trong trường hợp nào người khai hải quan không phải nộp vận tải đơn:

- A. Đường bộ
- B. Đường sắt
- C. Đường hàng không
- D. Đường biển

D. Là việc cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ hải quan, các chứng từ, tài liệu liên quan và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải

Câu 6: Niêm phong điện tử là:

- A. Một hình thức sử dụng để kiểm tra hải quan
- B. Một hình thức sử dụng trong kiểm tra sau thông quan
- C. Một hình thức sử dụng để giám sát hải quan
- D. Một hình thức sử dụng để kiểm tra và giám sát hải quan

Câu 7: Hồ sơ hải quan đối với lô hàng hoa quả nhập khẩu, phải kiểm dịch thực vật không bao gồm?

- A. Hợp đồng mua bán ngoại thương
- B. Tờ khai HQNK

- C. A và B là phương án đúng
- D. A và B là phương án sai

Câu 8: Đối tượng không phải kiểm tra, giám sát hải quan

- A. Tổ chức cá nhân liên quan đến việc làm thủ tục hải quan
- B. Hành lý của người xuất cảnh
- C. A và B là phương án đều đúng
- D. A và B là phương án đều sai

Câu 9: Đây là tiêu chí lựa chọn phương thức giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu?

- A. Tuyến đường vận chuyển đối với hàng hoá XNK
- B. Thời điểm lô hàng được đăng ký tờ khai hải quan
- C. A và B là phương án đúng
- D. A và B là phương án sai

Câu 10: Quyết định hình thức kiểm tra hải quan dựa trên

- A. Kết quả phân tích thông tin về lô hàng
- B. Kết quả kiểm tra sự phù hợp giữa hàng hoá với các chứng từ trong hồ sơ HQ
- C. A và B là phương án đúng
- D. A và B là phương án sai

Câu 11: Tờ khai hàng hóa nhập khẩu luồng đỏ thì khi làm thủ tục hải quan phải thực hiện:

- A. Kiểm tra hồ sơ hải quan
- B. Kiểm tra thực tế hàng hóa
- C. Kiểm tra hồ sơ và thực tế hàng hóa
- D. Kiểm tra theo yêu cầu của hải quan

Câu 12: Giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu là:

- A. Giá bán tại cửa khẩu xuất cộng chi phí vận tải
- B. Giá bán tại cửa khẩu xuất
- C. Giá thực tế phải trả tính tới cửa khẩu nhập đầu tiên
- D. Không đáp án nào đúng

Câu 13: Kiểm tra xuất xứ hàng hóa không căn cứ vào:

- A. Giấy chứng nhận xuất xứ
- B. Hồ sơ hải quan
- C. Thực tế hàng hóa XNK
- D. Đánh giá việc chấp hành pháp luật hải quan của chủ hàng

Câu 14: Quyết định hình thức kiểm tra hải quan không dựa trên

- A. Kết quả phân tích thông tin về lô hàng .
- B. Việc đánh giá kết quả chấp hành pháp luật HQ của người khai HQ
- C. Kết quả kiểm tra sự phù hợp giữa hàng hoá với các chứng từ trong hồ sơ HQ
- D. Mức độ rủi ro về vi phạm pháp luật hải quan Su

Câu 15: Khi lô hàng NK không đủ điều kiện xác định TGTТ theo phương pháp 1 và 2, trong dữ liệu của CQHQ có 3 lô hàng NK giống hết được lựa chọn để xác định TGTТ cho lô hàng cần tìm. TGTТ lô hàng cần tìm là:

- A. Trị giá tính thuế của lô hàng giống hết có thời gian xuất khẩu gần với thời gian XK của lô hàng đang xác định TGTТ nhất.
- B. Trị giá tính thuế nhỏ nhất trong 4 trị giá tính thuế xác định được
- C. Trị giá tính thuế trung bình cộng của 4 trị giá tính thuế xác định được
- D. Trị giá tính thuế lớn nhất trong 4 trị giá tính thuế xác định được

Câu 16: Hình thức nào sau đây không sử dụng để giám sát hải quan?

- A. Dừng chì hải quan
- B. Sử dụng thiết bị định vị GPS
- C. Sử dụng máy soi container cố định hoặc di động
- D. Sử dụng trực tiếp công chức hải quan

Câu 17: Hai lô hàng nhập khẩu nào sau đây được coi là hai lô hàng nhập khẩu giống hết?

- A. Lô hàng A là xe đạp đã qua sử dụng, lô hàng B là xe đạp mới sản xuất. Hai lô hàng này có cùng đặc tính vật lý và được sản xuất bởi cùng 1 nhà sản xuất ở Nhật Bản
- B. Lô hàng E và F cùng là áo sơ mi trắng giống hết nhau của Pierre Cardin, Lô hàng E là áo size S, lô hàng F là áo size XL

C. Lô hàng C và D cùng một loại bột gạo, được sản xuất bởi cùng 1 nhà sản xuất Hàn Quốc. Công dụng của hàng C là làm mặt nạ, công dụng của hàng D là nguyên liệu làm bánh

D. Lô hàng G là xe máy Honda Lead nhập khẩu nguyên chiếc, lô hàng H cũng là xe máy Honda Lead nhập khẩu nhưng chưa lắp ráp hoàn chỉnh

Câu 18: Khoản nào sau đây không được trừ ra khỏi trị giá tính thuế hàng NK?

A. Chi phí vận chuyển nội địa phát sinh sau khi NK khi đáp ứng các điều kiện về các khoản điều chỉnh trừ

B. Khoản giảm giá được thực hiện trước khi xếp hàng lên tàu tại cảng xếp hàng, văn bản giảm giá được nộp cùng với HSHQ khi làm thủ tục NK

C. Chi phí vận hàng hóa nhập khẩu đến cửa khẩu nhập đã nằm trong giá mua hàng NK

D. Các khoản thuế phải nộp ngân sách đã tính trong giá mua hàng NK khi đáp ứng các ĐK về các khoản điều chỉnh trừ.

Câu 19: Nội dung kiểm tra bài quan trọng quá trình thông quan hàng hóa KHÔNG bao gồm:

A. Kiểm tra tên hàng, mã số hàng hóa

B. Kiểm tra về xuất xứ hồng hoa và thuế

C. Kiểm tra về lượng hàng, chất lượng hàng hóa

D. Kiểm tra về điều kiện kinh doanh xuất nhập khẩu

Câu 20: Đối tượng phải kiểm tra, giám sát hải quan

A. Tổ chức cá nhân liên quan đến việc làm thủ tục hải quan

B. Hành lý của người xuất cảnh

C. Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất nhập cảnh

D. Tất cả đều đúng

Đáp án:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
B	D	D	B	A	C	A	D	A	C	C	C	D	C	B	C	B	C	D	D

b. Tự luận & bài tập (6,0 điểm) gồm 6 bài tương ứng 6 mã đề như sau:

Bài tập 1. Công ty X đặt một công ty của Hàn Quốc gia công 10.000 đĩa VCD một chương trình ca nhạc live show của ca sỹ Mỹ Tâm. Trị giá của hợp đồng là 100.000 USD, là tiền gia công đĩa.

Công ty X gửi đĩa gốc sang Hàn Quốc, chỉ sử dụng để sao ra 10.000 bản. Chi phí làm đĩa gốc là 30.000 USD, chi phí chuyển phát nhanh sang Hàn Quốc là 30USD.

Công ty X cũng mua 10.000 chiếc đĩa trắng của một nhà sản xuất ở VN với giá 1USD/chiếc và yêu cầu nhà sản xuất đĩa gửi số đĩa trên sang Hàn Quốc. Chi phí gửi đĩa sang cho người nhận gia công tổng cộng là 200 USD.

X cũng là công ty độc quyền phát hành các loại băng đĩa của Mỹ Tâm và hàng năm phải trả cho Mỹ Tâm một khoản tiền là 20.000 USD tiền bản quyền.

Theo hợp đồng gia công, sau khi hoàn thành số đĩa VCD, X sẽ nhận được lô hàng gửi bằng đường hàng không. Bên nhận gia công thay mặt công ty X thu xếp vận chuyển và bảo hiểm cho lô hàng rồi gửi các loại hoá đơn cho công ty X thanh toán. Chi phí vận chuyển là 1.500 USD và bảo hiểm là 300 USD.

Giả sử lô hàng đủ điều kiện áp dụng phương pháp trị giá giao dịch. Hãy xác định trị giá hải quan của lô hàng. Biết tỷ giá 1USD = 23.000 VND.

Bài giải: Áp dụng PP trị giá giao dịch (0,5 điểm)

Trị giá hải quan = Giá hóa đơn + các khoản phải cộng phát sinh đến cửa khẩu nhập đầu tiên - Các Khoản Được Trừ (0,5 điểm)

Bảng 1. Xác định các yếu tố cấu thành trị giá hải quan

STT	Nội dung xác định	Số tiền (USD)	Giải thích
1	Tiền gia công theo hợp đồng (1 điểm)	100.000	Giá thực tế phải trả cho người gia công
2	Chi phí đĩa gốc (assist)	30.030	Do người nhập khẩu cung cấp, gồm: 30.000 USD chi phí làm đĩa + 30 USD chuyển phát
3	Đĩa trắng cung cấp	10.200	10.000 đĩa × 1 USD + 200 USD chi

	miễn phí (assist)		phí gửi
4	Chi phí vận chuyển quốc tế	1.500	Phát sinh trước cửa khẩu nhập
5	Chi phí bảo hiểm quốc tế	300	Phát sinh trước cửa khẩu nhập
6	Tiền bản quyền	20.000	Là điều kiện để sản xuất, phát hành đĩa
	Tổng các khoản phải cộng (2,5 điểm)	62.030	
	Trị giá hải quan (USD) (0,5 điểm)	162.030	100.000 + 62.030

Bảng 2. Quy đổi trị giá hải quan sang VND (1 điểm)

Nội dung	Giá trị
Trị giá hải quan (USD)	162.030
Tỷ giá	1 USD = 23.000 VND
Trị giá hải quan (VND)	3.726.690.000 VND

Bài tập 2. Công ty Hòa Bình tại Việt Nam ký hợp đồng với một doanh nghiệp Trung Quốc để gia công 2.000 áo khoác thể thao xuất khẩu.

Tiền gia công theo hợp đồng: 40.000 USD.

Công ty M cung cấp mẫu thiết kế, rập và thông số kỹ thuật cho bên nhận gia công, chỉ sử dụng cho việc sản xuất lô hàng này.

Chi phí thiết kế và làm rập tại Việt Nam: 8.000 USD

Chi phí chuyển phát hồ sơ kỹ thuật sang Trung Quốc: 100 USD

Công ty M mua vải chính và khóa kéo từ một nhà cung cấp tại Việt Nam với tổng giá trị 25.000 USD, yêu cầu nhà cung cấp giao thẳng nguyên phụ liệu sang Trung Quốc.

Chi phí vận chuyển nguyên phụ liệu sang Trung Quốc: 600 USD

Theo hợp đồng nhượng quyền thương hiệu, công ty M phải trả cho chủ sở hữu thương hiệu 10.000 USD tiền bản quyền cho mỗi năm để được phép gắn nhãn hiệu lên áo khoác xuất khẩu.

Sau khi hoàn thành gia công, lô hàng được vận chuyển bằng đường biển về Việt Nam.

Bên nhận gia công thay mặt công ty M thuê vận chuyển và bảo hiểm.

Cước vận chuyển quốc tế: 2.000 USD

Phí bảo hiểm: 500 USD

Giả sử lô hàng đủ điều kiện áp dụng phương pháp trị giá giao dịch.

Yêu cầu:

Xác định trị giá hải quan của lô hàng nhập khẩu.

Tỷ giá tính thuế: 1 USD = 23.000 VND.

Bài giải: Áp dụng PP trị giá giao dịch (0,5 điểm)

Trị giá hải quan = Giá hóa đơn + các khoản phải cộng phát sinh đến cửa khẩu nhập đầu tiên - Các Khoản Được Trừ (0,5 điểm)

Bảng 1. Xác định các yếu tố cấu thành trị giá hải quan

STT	Nội dung xác định	Số tiền (USD)	Giải thích
1	Tiền gia công theo hợp đồng (1 điểm)	40.000	Giá thực tế phải trả cho bên gia công
2	Chi phí thiết kế, ráp (assist)	8.100	Do người NK cung cấp, gồm: 8.000 USD thiết kế + 100 USD chuyển phát
3	Nguyên phụ liệu cung cấp miễn phí (assist)	25.600	Giá vải & khóa kéo 25.000 USD + 600 USD chi phí vận chuyển
4	Cước vận chuyển quốc tế	2.000	Phát sinh trước cửa khẩu nhập
5	Phí bảo hiểm quốc tế	500	Phát sinh trước cửa khẩu nhập
6	Tiền bản quyền thương hiệu	10.000	Điều kiện để gắn nhãn hiệu lên hàng hóa

	Tổng các khoản phải cộng (2,5 điểm)	46.200	
	Trị giá hải quan (USD) (0,5 điểm)	86.200	40.000 + 46.200

Bảng 2. Quy đổi trị giá hải quan sang VND (1 điểm)

Nội dung	Giá trị
Trị giá hải quan (USD)	86.200
Tỷ giá	1 USD = 23.000 VND
Trị giá hải quan (VND)	1.982.600.000 VND

Bài tập 3. Một lô hàng nhập khẩu gồm 2000 sản phẩm về Việt Nam từ Ấn Độ trị giá theo hoá đơn là 50.000 USD, có quá cảnh qua Campuchia. Lô hàng được vận chuyển theo hình thức vận tải đa phương thức, do người mua tự thu xếp. Cước phí vận chuyển từng chặng như sau:

- Chi phí vận chuyển đường biển từ cảng Calcuta, Ấn Độ đến cảng của Campuchia: 800 USD
- Chi phí dỡ hàng, giao nhận hàng hoá và chứng từ tại cảng Campuchia: 75 USD
- Phí vận chuyển đường bộ từ cảng Campuchia đến Chi cục hải quan Mộc Bài, Tây Ninh: 300 USD
- Phí chuyên chở từ Mộc Bài đến nhà máy của người nhập khẩu: 150 USD

Tổng cộng cước phí vận chuyển là 1.325 USD

Phí bảo hiểm trọn gói từ Ấn Độ đến điểm giao hàng tại nhà máy của người nhập khẩu là 2% trị giá hoá đơn.

Giao dịch thoả mãn điều kiện áp dụng phương pháp trị giá giao dịch

Hãy xác định trị giá tính thuế của lô hàng.

Bài giải: Áp dụng PP trị giá giao dịch (0,5 điểm)

Trị giá hải quan = Giá hóa đơn + các khoản phải cộng phát sinh đến cửa khẩu nhập đầu tiên - Các Khoản Được Trừ (0,5 điểm)

Bảng 1. Phân tích chi phí vận chuyển – bảo hiểm

Khoản mục	Số tiền (USD)	Xử lý	Giải thích
Giá hóa đơn (FOB/EXW giá định) (1 điểm)	50.000	Cộng	Giá thực tế phải trả
Vận chuyển đường biển Ấn Độ → Campuchia	800	Cộng	Phát sinh trước cửa khẩu VN
Dỡ hàng, giao nhận tại cảng Campuchia	75	Cộng	Liên quan trực tiếp đến vận chuyển quốc tế
Vận chuyển đường bộ Campuchia → Mộc Bài	300	Cộng	Đến cửa khẩu nhập đầu tiên
Vận chuyển Mộc Bài → nhà máy	150	Không cộng	Phát sinh sau nhập khẩu
Bảo hiểm trọn gói (2% × 50.000)	1.000	Cộng	Bảo hiểm quốc tế đến VN

Bảng 2. Xác định trị giá hải quan

Nội dung	Số tiền (USD)
Giá hóa đơn	50.000
Cước vận chuyển được cộng (2 điểm)	$1.175 = 800 + 75 + 300$
Phí bảo hiểm (1 điểm)	1.000
Trị giá hải quan (USD) (1 điểm)	52.175

Bài tập 4. Một lô hàng nhập khẩu 1.500 sản phẩm được đưa về Việt Nam từ Thái Lan, trị giá theo hóa đơn thương mại là 42.000 USD, có quá cảnh qua Lào.

Lô hàng được vận chuyển theo hình thức vận tải đa phương thức, do người mua tự thu xếp. Các khoản chi phí phát sinh như sau:

Chi phí vận chuyển đường biển từ cảng Laem Chabang (Thái Lan) đến cảng Vientiane (Lào): 900 USD

Chi phí dỡ hàng, giao nhận và xử lý chứng từ tại cảng Vientiane: 100 USD

Chi phí vận chuyển đường bộ từ cảng Vientiane đến Chi cục Hải quan Cầu Treo (Hà Tĩnh): 280 USD

Chi phí vận chuyển từ Cầu Treo về kho của người nhập khẩu tại Hà Nội: 170 USD

Tổng chi phí vận chuyển phát sinh: 1.450 USD

Ngoài ra:

Phí bảo hiểm trọn gói từ Thái Lan đến kho của người nhập khẩu là 1,5% trị giá hóa đơn.

Giao dịch đủ điều kiện áp dụng phương pháp trị giá giao dịch.

Yêu cầu:

Xác định trị giá tính thuế của lô hàng nhập khẩu.

Tỷ giá tính thuế: 1 USD = 23.000 VND.

Bài giải: Áp dụng PP trị giá giao dịch (0,5 điểm)

Trị giá hải quan = Giá hóa đơn + các khoản phải cộng phát sinh đến cửa khẩu nhập đầu tiên - Các Khoản Được Trừ (0,5 điểm)

Phân tích các khoản chi phí

Khoản mục	Số tiền (USD)	Xử lý	Giải thích
Giá hóa đơn thương mại (1 điểm)	42.000	Cộng	Giá thực tế phải trả
Vận chuyển Laem Chabang → Vientiane	900	Cộng	Trước cửa khẩu VN
Dỡ hàng, giao nhận tại Vientiane	100	Cộng	Liên quan trực tiếp đến vận chuyển
Vận chuyển Vientiane → Cầu Treo	280	Cộng	Đến cửa khẩu nhập đầu tiên
Vận chuyển Cầu Treo → kho Hà Nội	170	Không cộng	Sau khi nhập khẩu
Phí bảo hiểm (1,5% × 42.000)	630	Cộng	Bảo hiểm quốc tế

Xác định trị giá hải quan

Nội dung	Số tiền (USD)
Giá hóa đơn	42.000
Chi phí vận chuyển được cộng (2 điểm)	$1.280 = 900 + 100 + 280$
Phí bảo hiểm (1 điểm)	630
Trị giá hải quan (USD) (0,5 điểm)	43.910

Quy đổi sang VND (0,5 điểm)

Nội dung	Giá trị
Trị giá hải quan (USD)	43.910
Tỷ giá	23.000 VND/USD
Trị giá tính thuế (VND)	1.009.930.000 VND

Bài tập 5. Công ty Minh Khang ở Việt Nam nhập khẩu 2 lô sản phẩm đúc bằng thép từ công ty Thép Chiangmai Thái Lan lần lượt vào ngày 1/8 và ngày 15/8/2010, mỗi lô hàng bao gồm 600 sản phẩm với giá 80 USD/chiếc. Giá mua chưa tính đến chi phí khuôn đúc đã qua sử dụng do công ty Minh Khang cung cấp miễn phí cho người bán. Khuôn đúc được mua tại Việt Nam có giá gốc là 10.000 USD và vận chuyển đến nhà máy của Thép Chiangmai ở Thái Lan với toàn bộ chi phí là 2000 USD.

Khuôn đúc đã được sử dụng để sản xuất ra 3.000 sản phẩm, khuôn vẫn còn một nửa tuổi thọ. Khi nhận được khuôn đúc, công ty Thép Chiangmai đã sản xuất và lưu kho 3.000 sản phẩm cùng với khuôn rập và đem huỷ khuôn theo thoả thuận với Minh Khang.

Minh Khang muốn phân bổ trị giá khuôn đúc vào lô hàng thứ nhất.

Hãy xác định trị giá hải quan cho cả 2 lô hàng. Biết rằng Minh Khang là một nhà phân phối ở miền Bắc của công ty Thép Chiangmai Thái Lan. Ngoài Minh Khang còn có 2 nhà phân phối khác ở miền Trung và miền Nam. Trong hồ sơ chứng từ đều thể hiện rằng Công ty Thép Chiangmai Thái Lan thoả thuận với các nhà phân phối của mình như với các công ty độc lập khác.

Bài giải: Áp dụng PP trị giá giao dịch (0,5 điểm)

Trị giá hải quan = Giá hóa đơn + các khoản phải cộng phát sinh đến cửa khẩu nhập đầu tiên - Các Khoản Được Trừ (0,5 điểm)

Xác định giá hóa đơn từng lô (1 điểm)

Nội dung	Lô 1	Lô 2
Số lượng	600 SP	600 SP
Đơn giá	80 USD/SP	80 USD/SP
Giá hóa đơn	48.000 USD	48.000 USD

Xác định trị giá khuôn đúc phải phân bổ (Assist)

Chi phí khuôn đúc do người mua cung cấp miễn phí cho người bán → khoản phải cộng (1 điểm)

Khoản mục	Giá trị (USD)
Giá mua khuôn tại Việt Nam	10.000
Chi phí vận chuyển sang Thái Lan	2.000
Tổng trị giá khuôn	12.000

Xác định số lượng sản phẩm phải phân bổ

- Khuôn đã sản xuất: 3.000 sản phẩm
- Khuôn còn 1/2 tuổi thọ, nhưng đã bị huỷ theo thỏa thuận
- Thực tế khuôn chỉ dùng để sản xuất 3.000 sản phẩm

Phân bổ toàn bộ 12.000 USD cho 3.000 sản phẩm (1 điểm)

Vậy, Mức phân bổ khuôn trên 1 sản phẩm

$$\text{Chi phí khuôn/1 sản phẩm} = \frac{12.000}{3.000} = 4 \text{ USD/SP}$$

Phân bổ khuôn vào từng lô hàng (1 điểm)

Nội dung	Lô 1	Lô 2
Số lượng	600	600
Chi phí khuôn phân bổ	2.400 USD	2.400 USD

(600 × 4 USD)

Xác định trị giá hải quan từng lô (1 điểm)

Nội dung	Lô 1 (USD)	Lô 2 (USD)
Giá hóa đơn	48.000	48.000
Cộng chi phí khuôn	2.400	2.400
Trị giá hải quan	50.400	50.400

Bài tập 6. Công ty An Phát tại Việt Nam nhập khẩu 02 lô linh kiện nhựa ép từ công ty Plastech Malaysia, lần lượt vào ngày 05/6/2022 và 20/6/2022.

Mỗi lô hàng gồm 800 sản phẩm, với giá mua là 45 USD/chiếc theo hóa đơn thương mại. Giá mua chưa bao gồm chi phí khuôn ép nhựa do công ty An Phát cung cấp miễn phí cho người bán.

Thông tin về khuôn ép nhựa:

Khuôn được mua tại Việt Nam với giá 12.000 USD

Chi phí vận chuyển khuôn đến nhà máy của Plastech tại Malaysia là 3.000 USD

Khuôn ép đã được thiết kế để sản xuất 4.000 sản phẩm

Khi giao khuôn, Plastech đã sản xuất sẵn và lưu kho 2.000 sản phẩm, sau đó tiêu hủy khuôn theo thỏa thuận với An Phát

Công ty An Phát yêu cầu phân bổ toàn bộ trị giá khuôn ép vào lô hàng nhập khẩu thứ nhất.

Giả sử:

Giao dịch đủ điều kiện áp dụng phương pháp trị giá giao dịch

Quan hệ giữa An Phát và Plastech không ảnh hưởng đến trị giá giao dịch

Yêu cầu:

Xác định trị giá hải quan của lô hàng nhập khẩu thứ nhất.

Xác định trị giá hải quan của lô hàng nhập khẩu thứ hai.

Bài giải: Áp dụng PP trị giá giao dịch (0,5 điểm)

Trị giá hải quan = Giá hóa đơn + các khoản phải cộng phát sinh đến cửa khẩu nhập đầu tiên - Các Khoản Được Trừ (0,5 điểm)

Xác định giá hóa đơn của từng lô (1 điểm)

Nội dung	Lô 1	Lô 2
Số lượng	800 SP	800 SP
Đơn giá	45 USD/SP	45 USD/SP
Giá hóa đơn	36.000 USD	36.000 USD

Xác định trị giá khuôn ép nhựa (Assist) (1 điểm)

Khuôn ép do người mua cung cấp miễn phí cho người bán → khoản phải cộng vào trị giá hải quan.

Khoản mục	Giá trị (USD)
Giá mua khuôn tại Việt Nam	12.000
Chi phí vận chuyển sang Malaysia	3.000
Tổng trị giá khuôn	15.000 USD

Xác định cơ sở phân bổ khuôn (1 điểm)

- Khuôn được thiết kế sản xuất: 4.000 sản phẩm
- Thực tế:

Đã sản xuất 2.000 sản phẩm

Sau đó khuôn bị tiêu hủy

Khuôn chỉ thực tế sử dụng cho 2.000 sản phẩm

Nguyên tắc: phân bổ theo số lượng sản phẩm thực tế được sản xuất, không theo công suất thiết kế.

Mức phân bổ khuôn trên 1 sản phẩm

$$\text{Chi phí khuôn/1 SP} = \frac{15.000}{2.000} = 7,5 \text{ USD/SP}$$

Phân bổ khuôn vào các lô hàng (1 điểm)

Lô hàng thứ nhất

- Số lượng: 800 SP
- Chi phí khuôn phân bổ:

$$800 \times 7,5 = 6.000 \text{ USD}$$

Lô hàng thứ hai: Theo yêu cầu bài toán: **phân bổ toàn bộ khuôn vào lô 1. Lô 2 không phân bổ chi phí khuôn**

Xác định trị giá hải quan từng lô (1 điểm)

Nội dung	Lô 1 (USD)	Lô 2 (USD)
Giá hóa đơn	36.000	36.000
Cộng chi phí khuôn	6.000	0
Trị giá hải quan	42.000 USD	36.000 USD

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động xuất nhập khẩu không ngừng gia tăng về quy mô và mức độ phức tạp, yêu cầu đặt ra đối với công tác đào tạo nguồn nhân lực ngành Hải quan là phải gắn chặt giữa kiến thức lý luận và năng lực thực hành nghiệp vụ. Môn học Nghiệp vụ Hải quan vì vậy không chỉ dừng lại ở việc trang bị kiến thức pháp lý, quy trình thủ tục, mà còn phải hình thành cho người học khả năng vận dụng linh hoạt các quy định vào những tình huống thực tiễn phát sinh.

Thông qua báo cáo này, tác giả đã làm rõ sự cần thiết của việc đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá đối với môn Nghiệp vụ Hải quan theo hướng tiếp cận năng lực. Việc kết hợp giảng dạy lý thuyết với ví dụ thực tiễn, bài tập tình huống, thảo luận theo chủ đề và các bài tập tính toán đặc thù như xác định trị giá hải quan, thuế hải quan đã góp phần nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức của người học, đồng thời rèn luyện tư duy nghiệp vụ và kỹ năng xử lý công việc chuyên môn.

Bên cạnh đó, báo cáo đã đề xuất cấu trúc đề thi hợp lý, bao gồm phần trắc nghiệm nhằm kiểm tra kiến thức nền tảng và phần bài tập/tự luận tập trung vào các nội dung cốt lõi của môn học. Việc xây dựng ma trận đề thi gắn với chuẩn đầu ra (CLOs) cùng hệ thống đề thi tương đương và đáp án chi tiết giúp đảm bảo tính khách quan, minh bạch và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Có thể khẳng định rằng, các giải pháp được đề xuất trong báo cáo không chỉ phù hợp với đặc thù môn Nghiệp vụ Hải quan mà còn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học hiện nay. Việc áp dụng đồng bộ các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo hướng thực tiễn sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu của cơ quan hải quan, doanh nghiệp xuất nhập khẩu và các lĩnh vực liên quan.